

Lịch ngày làm việc cho năm 2022. (Slovenia)

TIMESLES.COM

Tháng 1

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
52						1	2
01	3	4	5	6	7	8	9
02	10	11	12	13	14	15	16
03	17	18	19	20	21	22	23
04	24	25	26	27	28	29	30
05	31						

Tháng 2

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
05		1	2	3	4	5	6
06	7	8	9	10	11	12	13
07	14	15	16	17	18	19	20
08	21	22	23	24	25	26	27
09	28						

Tháng 3

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
09		1	2	3	4	5	6
10	7	8	9	10	11	12	13
11	14	15	16	17	18	19	20
12	21	22	23	24	25	26	27
13	28	29	30	31			

Tháng 4

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
13				1	2	3	
14	4	5	6	7	8	9	10
15	11	12	13	14	15	16	17
16	18	19	20	21	22	23	24
17	25	26	27	28	29	30	

Tháng 5

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
17						1	
18	2	3	4	5	6	7	8
19	9	10	11	12	13	14	15
20	16	17	18	19	20	21	22
21	23	24	25	26	27	28	29
22	30	31					

Tháng 6

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
22		1	2	3	4	5	
23	6	7	8	9	10	11	12
24	13	14	15	16	17	18	19
25	20	21	22	23	24	25	26
26	27	28	29	30			

Tháng 7

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
26				1	2	3	
27	4	5	6	7	8	9	10
28	11	12	13	14	15	16	17
29	18	19	20	21	22	23	24
30	25	26	27	28	29	30	31

Tháng 8

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
31	1	2	3	4	5	6	7
32	8	9	10	11	12	13	14
33	15	16	17	18	19	20	21
34	22	23	24	25	26	27	28
35	29	30	31				

Tháng 9

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
35			1	2	3	4	
36	5	6	7	8	9	10	11
37	12	13	14	15	16	17	18
38	19	20	21	22	23	24	25
39	26	27	28	29	30		

Tháng 10

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
39						1	2
40	3	4	5	6	7	8	9
41	10	11	12	13	14	15	16
42	17	18	19	20	21	22	23
43	24	25	26	27	28	29	30
44	31						

Tháng 11

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
44		1	2	3	4	5	6
45	7	8	9	10	11	12	13
46	14	15	16	17	18	19	20
47	21	22	23	24	25	26	27
48	28	29	30				

Tháng 12

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
48			1	2	3	4	
49	5	6	7	8	9	10	11
50	12	13	14	15	16	17	18
51	19	20	21	22	23	24	25
52	26	27	28	29	30	31	

Giai đoạn	Số ngày			Giờ làm việc mỗi tuần		
	Lịch ngày	Ngày làm việc	Ngày nghỉ	40 giờ tuần	36 giờ tuần	24 giờ tuần
Tháng 1	31	21	10	168	151.2	100.8
Tháng 2	28	19	9	152	136.8	91.2
Tháng 3	31	23	8	184	165.6	110.4
Tháng 4	30	19	11	152	136.8	91.2
Tháng 5	31	21	10	168	151.2	100.8
Tháng 6	30	22	8	176	158.4	105.6
Tháng 7	31	21	10	168	151.2	100.8
Tháng 8	31	22	9	176	158.4	105.6
Tháng 9	30	22	8	176	158.4	105.6
Tháng 10	31	20	11	160	144	96
Tháng 11	30	21	9	168	151.2	100.8
Tháng 12	31	21	10	168	151.2	100.8
1 phần tư	90	63	27	504	453.6	302.4
2 phần tư	91	62	29	496	446.4	297.6
1 nửa năm	181	125	56	1000	900	600
3 phần tư	92	65	27	520	468	312
4 phần tư	92	62	30	496	446.4	297.6
2 nửa năm	184	127	57	1016	914.4	609.6
1 năm	365	252	113	2016	1814.4	1209.6

1 thg 1, 2022	Ngày đầu năm	5 thg 6, 2022	Chủ nhật Whit
2 thg 1, 2022	Kỷ nghỉ năm mới	25 thg 6, 2022	Ngày của tiểu bang
8 thg 2, 2022	Ngày trước	15 thg 8, 2022	Đức mẹ Maria
17 thg 4, 2022	Chủ nhật Phục sinh	31 thg 10, 2022	Ngày cải cách
18 thg 4, 2022	Thứ Hai Phục Sinh	1 thg 11, 2022	Ngày nhớ
27 thg 4, 2022	Ngày khởi nghĩa chống chiếm đóng	25 thg 12, 2022	ngày Giáng Sinh
1 thg 5, 2022	Ngày lao động	26 thg 12, 2022	Ngày độc lập và thống nhất
2 thg 5, 2022	Ngày lễ lao động	1 thg 5, 2022	Ngày tháng năm